

tu tuong tu tuong
tu tuong tu tuong
tu tuong tu tuong

Tiếng Nói
của
Viện Đại Học
Vạn Hạnh

Bộ Mới
Năm Thứ Ba
Số 4

THÍCH MINH CHÂU • TÔN THẤT THIỆN
NGÔ TRỌNG ANH • PHẠM CÔNG THIỆN
LÊ TÔN NGHIÊM • THẠCH TRUNG GIẢ
NGUYỄN ĐĂNG THỰC • PHẠM THIÊN THƯ
TAM ÍCH • VŨ ĐÌNH LŨU • TUỆ SỸ

tu tuong tu tuong
tu tuong tu tuong

[1970]

TƯ TƯỞNG[?]

Chủ Nhiệm và Chủ Bút : T.T. THÍCH MINH CHÂU

chủ đề thảo luận :

THẾ NÀO
LÀ
PHÊ BÌNH

Bộ Mười Năm thứ Ba

Số 4

Ngày 1 tháng 8 năm 1970

bài vở bản thảo xin gửi :

THÍCH NGUYỄN TÁNH

VIỆN ĐẠI HỌC VĂN HẠNH

222, Trương Minh Giảng, Saigon — đ. t. 25.946

thư từ giao dịch và ngân phiếu

xin gửi : Cô Hồ thị Minh Tương



Bàn thêm về chữ « Lý »

LÝ TƯỞNG

CÁI « LÝ » CỦA NGÀY NAY VÀ CÁI « TƯỞNG » CỦA NGÀY MAI

TÔN THẤT THIỆN

Trong một bài trước (« Chỉ vì một chữ Lý » *Tư Tưởng* số 2 tháng 6, 1970) tôi đã bàn về chữ « Lý ». Trong bài này tôi lại bàn nữa về chữ đó. Ý định này xuất phát từ một câu hỏi của một sinh viên nhà díp bàn về bài nói trên. Anh ấy hỏi tại sao tôi không bàn về thời sự mà chỉ viết về những vấn đề căn bản. Câu hỏi rất chính đáng. Thanh niên muốn sống trong hiện tại và hướng về tương lai hơn là phải suy nghĩ và học hỏi về những gì có vẻ không cấp dụng và thực tế. Nhưng đồng thời, thanh niên cũng là những phầ tử của xã hội còn đủ hăng say, trong trắng, và thơ mộng, đề đòi hỏi con người phải nhắm một cái gì cao cả hơn danh vọng và phú quý. Họ ở trong tuổi đang đi tìm một lý tưởng cho cuộc đời của mình, cho xã hội, cho xứ sở, cho nhân loại.

Hán Việt Tự Điển của Hoàng Thúc Trâm (ấn niên 1951, trang 418) định nghĩa danh từ « lý tưởng » như sau : « Việc



chưa có thực mà tin rằng sẽ có và hi vọng việc ấy sẽ ra sao. Thế là lấy kinh nghiệm đã có làm tài chất, căn cứ vào sự lý để suy lường, liệu định, có cái tính thoả đáng lạc quan, nên có thể cố gắng mà thực hiện, chứ không như không tưởng chỉ viển vông, không thể thực hiện được». Định nghĩa này rất đầy đủ, không cần giải thích thêm. Chỉ cần nhấn mạnh những đoạn: «Việc chưa có thực mà tin rằng sẽ có», «lấy kinh nghiệm làm tài chất», «lạc quan», «có thể cố gắng mà thực hiện được», «không như không tưởng, viển vông».

Bàn về các vấn đề căn bản là lo gốc trước ngọn, đầu trước đuôi, bản và thủy trước mặt và chung, tri trước hành, đúng theo tinh thần Khổng giáo. Tư Tưởng có chấn chỉnh, mạch lạc, định hướng thì ngôn ngữ mới minh bạch và hành động mới hữu hiệu. Tư tưởng sai một ly hành động sẽ đi một dặm. Không lo cho tư tưởng vững chắc, trước khi dẫn thân vào hành động, thì không những chỉ phí sức mình mà còn gây tai hại cho người khác và cho xứ sở. Tư tưởng là suy cho cùng lý. Năm vững cái «lý» của ngày nay sẽ đem lại cho ta cái «tưởng» đúng về ngày mai. Lo cho căn bản là làm một việc lý tưởng.

Vi lẽ vừa nêu ra, nhân dịp câu hỏi của sinh viên nói trên, tôi xin bàn thêm về chữ «Lý». Tôi thú nhận rằng tôi nghĩ chưa suốt vấn đề này và quan điểm tôi đưa ra đây chỉ là một quan điểm còn tạm thời và thiếu sót. Nhưng tôi vẫn đưa nó ra để người khác có dịp bàn thêm, và giúp tôi đào xới những khía cạnh mà tôi chưa thấy, tuy vẫn biết rằng có. Tôi đặt vấn đề chữ «Lý» vì tôi nghĩ rằng nó có thể đưa ta đến một quan niệm toàn vẹn và chấp nhận được để định cho



nền giáo dục xứ sở một hướng đi vừa cho ta giữ được gốc rễ Á đông và Việt nam — rất cần thiết cho đời sống đạo lý và tinh thần —, vừa cho ta thâm nhận khoa học và kỹ thuật Âu Mỹ — rất cần thiết cho đời sống trí thức và vật chất —.

* * *

Trong bài «Chỉ vì một chữ Lý», tôi đã đề cập đến lý của đạo — đạo lý — và lý của vật — vật lý —. Còn một loại lý thứ ba tôi chưa đề cập đến là lý của sự — sự lý —. Lãnh vực của đạo lý là đạo đức và tôn giáo; của sự lý là triết học, khoa học nhân văn và khoa học xã hội; của vật lý là khoa học kỹ thuật. Năm vững lý về ba lãnh vực đó sẽ cho ta một quan niệm toàn vẹn về những giá trị tinh thần, trí thức và thực tế, về *Trời* — hiểu theo nghĩa những gì thiêng liêng, đáng tôn kính —, *Người* — trong cương vị cá nhân và thành phần xã hội —, và *Vật* theo nghĩa tạo hóa dưới muôn ngàn trạng thái với những định luật chi phối biến chuyển của nó. Ở đây ta có thể nghĩ đến «tam tài» — Thiên, Địa, Nhân — trong Khổng giáo. Nhà triết và sử gia B.Croce đã nói: «Triết lý thực là triết lý mà ta áp dụng trong đời sống hằng ngày» (Die ware Philosophie muss gelebt werden). Học hỏi, sưu tầm, suy tư về «lý» của Thiên, Địa, Nhân, và áp dụng những «lý» đó trong đời sống hàng ngày — Đạo, Triết, Thuật — là mục tiêu của Đại học làm đúng vai trò của nó, cũng như của một nền giáo dục toàn vẹn, vì con đường của đạo lý (Đạo), sự lý (Triết), vật lý (Thuật) là con đường đưa đến chân lý, tự do, nhân tính, đến sự giải thoát con người khỏi dốt nát, đói rách, và xã hội khỏi bất công, áp bức.



Lý của Đạo, Sự, và Vật, tuy ba mà một, (nhất nguyên): nếu về phương diện chất, đặc tính của lý là nhất, thì về phương diện thể, đặc tính của lý là đa. Lý cũng là đường hướng, là phương pháp, nên ở những lãnh vực khác nhau, muốn đi đến đích phải theo những con đường khác nhau, áp dụng những phương pháp khác nhau. Phần khác, công dụng của lý ở mỗi lãnh vực cũng khác nhau.

Về phương diện mục tiêu, mỗi lãnh vực có hai cấp, một cấp thượng, một cấp hạ. Mục tiêu của Đạo ở cấp thượng là Chân, ở cấp hạ là Chính; mục tiêu của Triết ở cấp thượng là Minh, ở cấp hạ là Tri; mục tiêu của Thuật, ở cấp thượng là Ích, ở cấp hạ là Lợi. Về phương diện tác dụng: tác dụng của đạo lý là Đức, của triết lý là Thông, của vật lý là Dụng. Về phương pháp: phương pháp của đạo lý là Tu (hành), của triết lý là Tư (tưởng), của vật lý là (thực) Nghiệm.

Sơ đồ dưới đây cho ta thấy rõ những tương quan nói trên: (xem sơ đồ trang 83)

Một nền giáo dục toàn vẹn đòi hỏi sinh viên phải thông suốt lý trong ba lãnh vực Đạo, Triết, và Thuật. Thuật không Triết thì man; Thuật không Đạo thì loạn. Triết mà không Thuật thì vô dụng; Triết mà không Đạo thì vô định. Đạo không Triết thì vô minh; Đạo không Thuật thì vô hiệu.

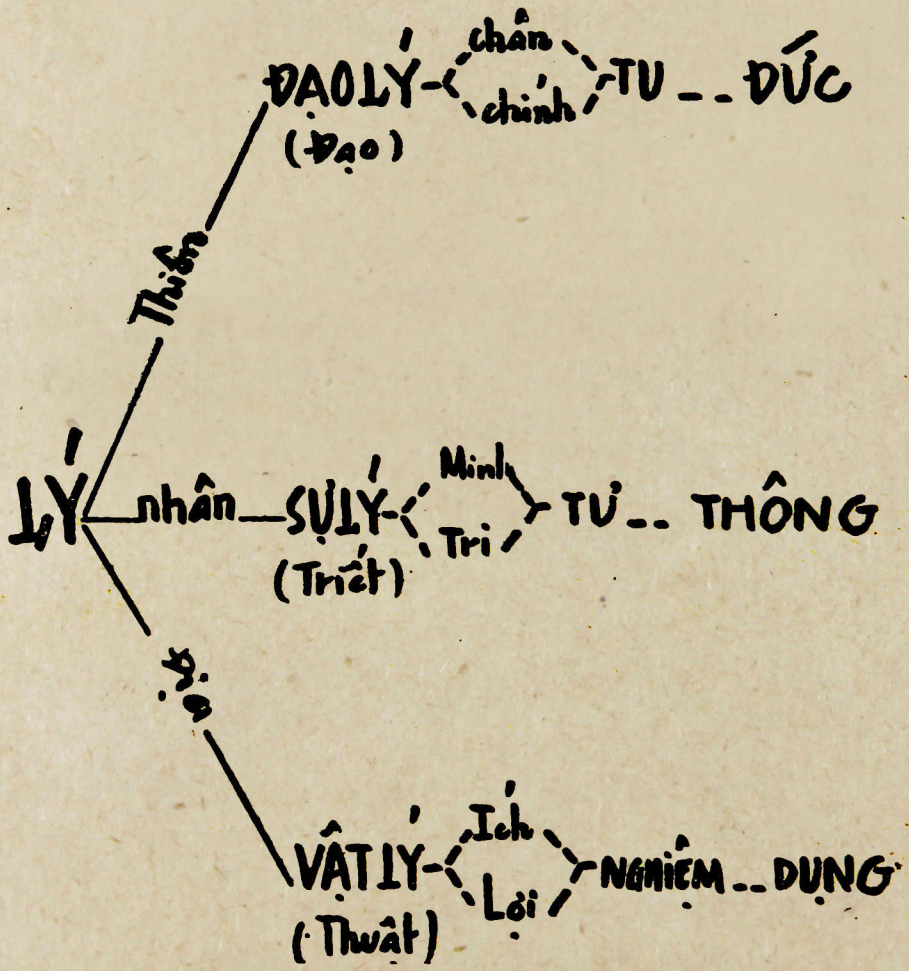
* * *

Nói rộng vấn đề, và nhìn nó dưới khía cạnh lịch sử, xã hội và chính trị, chữ « lý » liên hệ mật thiết với chữ « thực ».



(SƠ ĐỒ CHỈ TƯƠNG QUAN GIỮA ĐẠO, SỰ VÀ VẬT LÝ)

Chát Thê Dịch Pháp Dụng



Nền giáo dục xưa của ta chỉ chú trọng đến đạo lý. Qua bao nhiêu thế kỷ, đạo lý đó đã thấm nhuần tâm trí người Việt nam và giúp họ gây dựng được một xã hội duy đạo từ lãnh tụ đến dân gian. Vua cũng như quan, quan cũng như lại, lại cũng như dân; thầy cũng như trò, cha mẹ cũng như con cái; ai cũng thông đạo lý và lấy đạo lý làm căn bản trong việc cư xử với nhau hằng ngày. Vì vậy, thực tại xã hội và lý tưởng không có sự khác biệt. Thực trạng ở ngoài phản ánh trung thực hình ảnh ở trong. Lý và Thực ăn khớp với nhau.

Nền giáo dục xưa xây trên sự chấp nhận phán xét của người trên và về phương diện này, phán xét tối hậu là phán xét của Khổng Mạnh, hai ông thầy được tôn thờ và tin tưởng tuyệt đối. Cho nên, học có nghĩa là học thuộc những lời « Tử viết ». Phần khác, cách dạy của Khổng Tử không theo lối lập luận như ngày nay, mà chỉ theo từng câu rời rạc. Nền giáo dục Khổng Mạnh — được tôn làm quốc giáo — nhằm Đạo lý mà bỏ lơ Sự lý. Do đó, triết lý, văn chương không phát triển được. Khi người học cho rằng những cái thầy mình đã nói là lời của « Thánh hiền », là chân lý tuyệt đối, thì ai mà dám phê phán, chỉ trích, và chống đối, nhất là khi mà giáo lý Khổng Mạnh là quốc giáo, và con đường duy nhất để đạt công danh hay gia nhập giới được trọng vọng. Thái độ đó không những đã làm cho triết lý bị tê liệt, mà văn chương cũng không thoát khỏi hình thức thơ phú: văn xuôi không phát triển được và nghệ thuật bị gò bó trong nhu cầu phục vụ cho lễ.

Nhưng những lời « Thánh hiền » hay thơ phú làm sao tả được thực tại của thế kỷ XIX? Lúc đó, thế giới của Việt



nam không còn là một thế giới chỉ gồm những nước theo văn minh Trung hoa, mà còn có thêm các quốc gia Âu châu. Các quốc gia này xuất hiện dưới hình thức các cố đạo với kinh thánh và « tà thuyết » của họ; các con buôn diện mạo kỳ cục — da trắng, tóc đỏ, mũi lớn, mắt xanh —, theo phong tục « man rợ » — hung hăng, gập gáp, « vô phép tắc » —, và xử dụng khí cụ lạ lùng — nhất là tàu bè khí giới — trăm ngàn lần hữu hiệu hơn khí cụ của Việt nam. Những sự kiện đó, nhất là sự kiện cuối cùng, đặt triều đình Huế trước một tình trạng vô cùng nguy hiểm, vì vua cũng như quan, không những từ trước chỉ chuyên về đạo lý, sao lãng sự lý, mà còn tuyệt đối không biết gì về vật lý — sở trường của người Âu.— tuy rằng dưới thời Nguyễn Ánh cấp lãnh đạo Việt nam đã có đủ dịp, nếu không nghiên cứu, thì ít nhất cũng trông thấy, tác dụng của khoa học và kỹ thuật. Dưới thời Minh Mạng, Thiệu Trị, và Tự Đức, triều đình Huế giải quyết khó khăn bằng cách xua đuổi ngoại nhân đi và đóng cửa xứ sở lại. Cái nhân của chính sách bế quan toả cảng này sẽ đưa đến cái quả xâm lăng Pháp vào cuối triều Tự Đức.

Đến giữa triều Tự Đức, ta còn có dịp hưởng về sự lý và vật lý. Nhưng các quan lại cho những đề nghị cải cách là « lập dị ». Lúc vua Tự Đức giác ngộ — năm 1868 — thì đã quá trễ: toàn thể Nam kỳ đã lọt vào tay người Pháp. Triều đình đã giải quyết vấn đề lý và thực bằng cách coi lý như bất khả biến, và thực như không có. Nhưng làm sao xoá bỏ được thực tại? Ta có thể đổi lý cho thích hợp với thực, nhưng trong giấy lát không thể ép thực phải chịu lý được. Thực tại sẽ làm cho Phan Thanh Giản, Nguyễn Tri Phương, cũng như Phan Đình Phùng và giới nho sĩ Cần



vương điều đứng. Và sau sự tan rã của Cần vương, quốc dân Việt nam mới thật thức tỉnh, thấy cái hố sâu chia rẽ lý và thực. Phong trào Duy tân phát xuất từ sự kiện này, với mục đích lấp hố sâu đó.

Phong trào Duy tân — hay nói cho đúng hơn: phong trào Duy tân — là một phong trào hướng về sự lý và vật lý. Đó là một điều tốt. Nhưng sự học vật lý của những thế hệ mới chỉ là một sự đối trá: những thế hệ gọi là mới này không thực sự hăng say tìm hiểu lý của sự và của vật tận gốc — không nhập cảng phương pháp tư tưởng, khoa học và kỹ thuật — mà chỉ nhập cảng phong tục và hàng hóa của Âu Mỹ. Họ chỉ biết học, không biết tạo; chỉ biết dùng, không biết chế. Triết của họ nằm ý ở cấp tri, và thuật của họ nằm im ở cấp lợi. Vì vậy, dù Việt nam có được độc lập chính trị đi nữa thì cũng vẫn nô lệ ngoại bang về văn hóa và kinh tế. Đã nô lệ văn hóa và kinh tế, nghĩa là ngay về tư tưởng, cũng như về tiếp vận trong mọi lãnh vực — nhất là quốc phòng — thì có độc lập chính trị cũng khó mà duy trì sự độc lập đó được. Không nắm vững lý của sự và lý của vật thì không độc lập được, dù có nhiều đạo lý.

Phần khác, không độc lập chính trị thì cũng khó mà giữ được đạo lý, vì kẻ đô hộ ngoại bang sẽ phải theo đuổi chính sách làm suy yếu Việt nam bằng cách phá hoại các giá trị tinh thần và luân lý của ta, nghĩa là nền móng của quốc gia xã hội Việt nam, hoặc sẽ ngor để ta làm những gì đưa ta đến chỗ suy đồi, xã hội ta đến chỗ tan rã, để họ dễ chi phối ta. Dù ngoại bang không có ác ý đi nữa, nếu ta chỉ thi đua học sự lý và vật lý một cách đối trá, nghĩa là chỉ để kiếm lợi, thì đạo lý ta cũng khó duy trì, vì đã vụ lợi thì phải



theo ngoại nhân, bỏ phong tục, đạo lý, tư tưởng của ta, bắt chước phong tục, đạo lý, tư tưởng của họ, cố làm sao cho giống «Pháp con», «Mỹ con» để họ nói: «c'est bien» hay «good boy»!

Một dân tộc mà không thông suốt sự lý lẫn vật lý, và nhất là không có đạo lý, là một dân tộc hội đủ điều kiện để diệt vong. Muốn tránh hoạ diệt vong đó ta phải tái lập đạo lý, đồng thời phải tạo thêm sự lý và vật lý, nghĩa là trong thực tại người Việt nam phải có đạo đức, tư tưởng, khoa học và kỹ thuật — Đạo, Triết, Thuật. — Ta phải sửa đổi cái lý của ta trong cả ba lãnh vực thế nào cho nó ăn khớp với cái thực của thế giới hiện tại. Đó là cách mạng thực sự, trong nghĩa mà triết gia và học giả xã hội đã cho nó từ ngày Karl Marx nặng nề chỉ trích Hegel không nhận thấy sự sai biệt quá lớn giữa cái lý đẹp đẽ và cái thực đen tối của một xã hội vụ lợi. Marx chủ trương cách mạng để sửa thực tại xã hội lại cho đúng với lý tưởng công bằng, bác ái, và tôn trọng nhân phẩm con người, mà tuy Hegel đã kêu gào trước ông nhưng không thực hiện được, vì thuyết của Hegel đã quả quyết rằng cái gì hợp lý là có thực và hoàn hảo.

Rủi thay, cuộc cách mạng mà Marx chủ trương với mục đích đưa xã hội đến một tình trạng đẹp đẽ và cao cả hơn đã bị Lenine phản bội (sau Lenine, Staline, Mao Tse Tung còn đi sâu hơn nữa vào con đường phản bội này). Marx muốn xây dựng một xã hội được giải thoát khỏi mọi nô lệ, áp bức, nhục nhã, đói khổ; cho thực tại được đẹp đẽ để phù hợp với hình ảnh đẹp đẽ trong lý trí con người. Nhưng Lenine và môn đệ đã khai thác thuyết của Marx để xây dựng một chế độ Cộng sản chỉ cốt hữu hiệu chính trị, mà vì vậy phải độc tài, bóp chết tự do và bác ái, chà đạp nhân phẩm con



người bằng cách chủ trương thiết lập những đảng cộng sản chuyên chế và chuyên nghiệp, ăn rồi chỉ dốc tâm trí, sức lực vào việc phá hoại, đập đổ, gây chiến tranh với các dân tộc khác, kể cả dân tộc hạn (Nga xô, Trung hoa), hoặc đồng chủng (Bắc Việt, Đại hàn), để thiết lập những chế độ vô nhân đạo, phục vụ cho những mộng điên rồ của những thiếu số mù quáng. Lý và thực lại xa nhau, vì đạo lý và ngay cả sự lý bị tinh thần tôn sùng vật lý lấn át. Thăng bằng giữa Đạo, Triết, và Thuật bị phá vỡ, kéo theo nó bao nhiêu tan vỡ khác. Việt nam là một nạn nhân của tình trạng này.

Muốn xây dựng một xã hội đẹp đẽ, sung túc, hạnh phúc, ta phải tái lập thăng bằng Đạo — Triết — Thuật ở Việt nam cũng như trên thế giới, bằng cách cải tổ nền giáo dục thế nào cho đạo lý, sự lý, và vật lý — thứ thật không phải thứ giả — đều được nuan đúc trong mỗi người công dân, để lập lại sự hợp nhất giữa lý và thực và đưa lý cũng như thực lên một cấp cao hơn. Như vậy mới gọi là cải tổ giáo dục.

* * *

Trong những năm qua, người ta thường nói nhiều về sự đi tìm một đường lối Đại học Đông-phương và Dân tộc cho xứ sở. Đường lối Đông phương và Dân tộc đó nằm trong sự trở về với đạo lý, với sự tôn trọng những giá trị tinh thần cao cả, với sự phục hưng luân lý căn bản xây trên liêm sỉ, thành tín, nghĩa lễ, từ bi quảng độ, và chế ngự tham sân si. Đường lối dân tộc đó không nằm trong đường lối giáo dục Đại học Âu Mỹ đã phá sản. Một số không nhỏ sinh viên Việt nam, tại xứ hay ở ngoại quốc — nhất là ở



Hoa kỳ — đã và đang được — hay bị — hấp thụ một nền giáo dục gạt bỏ vấn đề giá trị, đạo lý ra ngoài, trong lãnh vực sự cũng như trong lãnh vực vật. Triết không thoát ly khỏi Tri, Thuật không thoát ly khỏi Lợi, nghĩa là vẫn nằm kẹt ở cấp hạ, cấp duy trí (intellectualism) và cấp duy vật (materialism).

Sự gạt bỏ giá trị ra ngoài nhiều Đại học Âu Mỹ có hai lý do. Một là lý do liên quan với phương pháp học (methodology). Người ta muốn mọi môn học, kể cả nhân văn và xã hội học, đều được coi như khoa học. Mà khoa học phải vô tư, «trung lập» về phương diện giá trị, theo chủ chương của Max Weber. Nhưng thật ra người ta đã cố tình hay vô tình bóp méo khái niệm vô tư của Weber. Theo Weber, vô tư không bắt buộc có nghĩa là phải «trung lập» về giá trị, nghĩa là không đòi hỏi ta phải làm ngơ hoặc không muốn nghĩ đến, nghe đến, việc phải trái, thiện ác. Nhưng theo quan niệm phổ cập trong đa số học giả Âu Mỹ, mục đích của khoa học là quan sát sự kiện, khám phá định luật để chế ngự bối cảnh (environment) vật chất, con người, hay xã hội, và khai thác các sự kiện và định luật đó để thế nào cho có lợi nhất. Ta nên ghi: «lợi» (profit), không phải «ích» (welfare), là mục đích của khoa học theo quan niệm này, nghĩa là quan niệm duy thực nghiệm (empiricism), một quan niệm đã bị học giả xã hội cấp tiến Mỹ Wright Mills và nhóm «Tân Xã Hội» (New Sociology) đã kích rất kịch liệt (Xem *The Sociological Imagination* của Wright Mills và *The New Sociology* của Louis Horowitz).

Wright Mills và nhóm Tân Xã Hội đã kích quan điểm duy thực nghiệm (hay để cho gọn, duy nghiệm) vì quan



điểm đó là quan điểm của những người khai thác, ủng hộ, hay dung túng sự bóc lột đau khổ của con người qua chính sách duy trì nguyên trạng xã hội (status quo). Đây cũng là lý do thứ hai của thái độ « trung lập » nói trên. Phái trung lập là phái chủ trương duy trì nguyên trạng, chống lại cải tổ xã hội. Nhưng ở Việt nam, những người sáng suốt, có chút lương tâm và lòng ái quốc, không thể đi con đường này, mà phải mạnh dạn theo con đường cải tổ xã hội.

Muốn cải tổ xã hội thì phải bắt đầu với chữ « Lý »: phải sửa đổi « lý », nghĩa là *quan niệm*, cho tư tưởng của mình phản ánh trung thực điều mà mình *quan sát*; mở mắt, mở tai, mở trí cho thực chiếu vào lý, buộc lý phải biến để phù hợp với thực. Phái trung lập cho rằng sự biến chuyển này không cần, vì họ cho rằng thực tại rất hợp lý — cái lý của những người đang hưởng nhiều quyền lợi và muốn giữ độc quyền hưởng thụ đó. Cho nên, đối với họ, khoa học, đại học phải giới hạn nhiệm vụ của mình ở mô tả (description), giải thích (explanation), chớ không được vượt ra giới hạn đó để bước vào lãnh vực giá trị (value) — phê phán, chỉ trích, chủ trương cải tổ hoặc cách mạng. Thực tại thế nào phải để nguyên như thế, dù có xấu xa, dơ bẩn, vì theo lý của họ, mọi việc trên thế giới hiện tại đẹp đẽ lắm rồi, đừng xía đạo đức vào đó. Vật lý như sự lý phải tách rời đạo lý. Mục đích của học không phải là hỏi, mà là nhận, không phải cải tổ mà là duy trì, không phải cách mạng mà là bảo thủ.

Giới lãnh đạo và học giả Việt nam (Nho học hay Tây học) dưới thời quân chủ cũng như thời Pháp thuộc, tuy ở một chân trời khác và đi một con đường khác, nhưng cũng đến một quan điểm như vậy. Ngày nay, thái độ đó vẫn còn lan



tràn trong giới «ưu tú» Việt nam, ngăn cản những cố gắng nhằm loại bỏ lối học từ chương, nghĩa là học để duy trì và củng cố hiện trạng, thay vì học để đổi thay, cải tiến, để thoát cùng, để biến, cho xứ sở, cho dân tộc được thông và cứu. Khởi điểm của sự học thoát cùng để biến, thông, và cứu đó là đạo lý. Có đạo lý mới có lương tâm, mới thấy cần quét dọn, thay đổi những gì hôi hám, xấu xa trong xã hội. Cho nên, muốn tìm cho dân tộc một con đường thoát khỏi tình trạng bê bối, suy đồi hiện nay là phải đem đạo lý vào Học đường và Đại học. Dùng Đạo để soi sáng, định hướng cho Triết và Thuật. Đạo lý đây không phải là tôn giáo, vì tinh thần tôn giáo hẹp hòi, cố chấp, kỳ thị, trong khi tinh thần đạo lý rộng rãi, viên dung và bao quát hơn nhiều. Tôn giáo chỉ là một trong những con đường đi đến đạo lý. (Nhưng tôn giáo chỉ đưa đến đạo lý ở cấp chính). Như đã nói ở trên. Triết không Đạo thì vô định, và Thuật không Đạo thì loạn. Xã hội Việt nam hiện nay đang loạn cũng vì Thuật quá nhiều, Triết quá ít, và Đạo lại càng ít hơn nữa. Không có liêm sỉ, nhân nghĩa lễ, không có từ bi quảng độ, chìm đắm trong tham sân si, thì Triết (ở cấp tri) và Thuật (ở cấp lợi) nhiều chừng nào, chỉ làm cho Xảo và Tiện tăng chừng đó, gây cho xứ sở thêm điều linh, dân chúng thêm khổn khổ.

Phần khác, nếu ta theo vết cũ, chỉ ôm rì lấy đạo mà không thiết gì về Triết và Thuật, nếu Đại học và Học đường của ta chỉ là nơi chiêm ngưỡng đạo lý và tuyệt nhiên không lưu tâm về sự lý và vật lý, thì xứ Việt nam mãi mãi sẽ là một sân khấu và một thị trường của ngoại bang: thanh niên, thiếu nữ ta sẽ ăn mặc lỗ lã, múa máy quay cuồng, hát tuồng Âu Mỹ, vì ta không sáng tác được tuồng riêng để hát; về tiêu dụng thì cần gì ta cũng phải nhập cảng, vì ta



không biết chế; ta không sáng tác văn nghệ, triết, ta không biết chế máy móc, dụng cụ, vì ta không tìm hiểu cái lý của sự và vật đến độ thông suốt để chính ta có thể tạo ra những tư tưởng và những khí cụ mà ta cần dùng.

Sau khi đã phân tích kỹ chữ « Lý » — tuy chưa hết nghĩa của nó, — ta thấy con đường dân tộc của ta phải qua cửa « Lý ». Cửa này là một cửa lớn — Đại môn — có ba cánh — Đạo, Triết, Thuật —, và ta chỉ có thể tự giải thoát và giải thoát dân tộc và xứ sở nếu ta cố tâm tìm cho được chìa khóa mở ba cửa Đạo lý, Sự lý Vật lý, để bước vào một thực tại mới đầy ánh sáng và hy vọng. Không lo cho cái lý ngày nay sắc bén thì làm sao mà cái tưởng ngày mai tươi đẹp được? Tôi ít bàn chuyện thời sự vì tôi những bận lo cho thời sự của thế hệ ngày mai. Lo về thời sự ngày nay là lo sửa chữa những cái hư hỏng bắt nguồn ở sự sai lầm căn bản của người khác trong quá khứ; lo về các vấn đề căn bản là lo thời sự ngày mai, là đặt nền móng vững chãi cho tương lai. Lo về thời sự ngày nay — chính trị — là làm việc người thợ vá; lo về các vấn đề căn bản — triết lý, giáo dục — là làm việc người thợ may. Đây là trả lời cho sinh viên đã nêu câu hỏi. Tôi cảm ơn anh ta đã nêu câu hỏi đó cho tôi có dịp tự vấn, đúng theo tinh thần Đại học Vạn Hạnh: trò học với thầy, nhưng thầy cũng học với trò. Hơn kém nhau chỉ ở chỗ chịu hay không chịu vấn nhân và tự vấn, và tìm cách làm cho lý và thực luôn luôn hợp nhất. Đó là LÝ TƯỞNG của người bước qua cửa Đại học, nghĩa là cửa đưa vào cõi « Lý ».

Chung quy, chỉ vì một chữ « LÝ »!

Vạn Hạnh Tháng 6, 1970.

TÔN THẮT THIÊN

